

Bản án số: 288/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến;

Ông Đỗ Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2024/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi thường trú và địa chỉ cuối cùng của chị T1 trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện chị T1 đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ cụ thể.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh cùng nhau sang Đài Loan lao động, năm 2019 chị T1 về nước sinh con và sinh sống cùng gia đình anh tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Năm 2022 chị T1 tiếp tục sang Đài Loan lao động. Sau khi chị T1 sang Đài Loan một thời gian thì vợ chồng anh phát sinh

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng anh đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng anh nhiều lần nói chuyện với mong muốn hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con, gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị T1.

Về con chung: Anh và chị T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày 08/4/2019. Hiện cháu L đang sống cùng với anh T. Nay vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T trình bày: Do anh bận công việc nên anh không thể đến Tòa án để tham tố tụng, anh đề nghị vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nói trên.

Chị Nguyễn Thị T1 là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tòa án đã tiến hành xác minh với người thân của chị T1 là bà Hà Thị Đ, sinh năm 1972, địa chỉ số nhà A, khu dân cư S, C, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương cung cấp: Chị T1 và anh T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh T và chị T1 chung sống như nào thì bà không nắm được cho đến khi anh T làm đơn ly hôn gia đình bà đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Anh T và chị T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày 08/4/2019. Hiện cháu L đang sống cùng với gia đình anh T.

Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho chị T1 biết nhưng chị T1 không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và từ chối cung cấp địa chỉ hiện tại của chị T1 tại nước ngoài. Chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Quang T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Quang T, biên bản làm việc với bà Hà Thị Đ và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn anh **Nguyễn Quang T** có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị **Nguyễn Thị T1** không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Về hôn nhân: Cho anh **Nguyễn Quang T** được ly hôn chị **Nguyễn Thị T1**.

Về nuôi con chung: Giao cháu **Nguyễn Quang L**, sinh ngày 08/4/2019 cho anh **Nguyễn Quang T** nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh **Nguyễn Quang T** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh **Nguyễn Quang T** khởi kiện xin ly hôn chị **Nguyễn Thị T1** và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Chị **T1** hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể của chị **T1**. Theo công văn số: 14319/QLXNC-P3 ngày 04/7/2024 của **Cục Q - Bộ C** cung cấp, chị **T1** có 09 lượt xuất nhập cảnh, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 01/11/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có bị đơn hiện nay đang ở nước ngoài. Địa chỉ cuối cùng của chị **T1** ở **Việt Nam tại: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang**, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn, anh **Nguyễn Quang T** vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh **T**.

Đối với bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bà Đ (là mẹ chị T1), Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của chị T1 trước khi xuất cảnh ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho chị T1 thông qua người thân của chị T1 là bà Hà Thị Đ (mẹ chị T1) và đề nghị bà Đ thông báo cho chị T1 biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Quang T và bị đơn chị Nguyễn Thị T1. Bà Đ cho biết chị T1 vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị T1 không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị T1 tại nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị T1 phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn chị Nguyễn Thị T1.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Quang T đối với chị Nguyễn Thị T1. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh T và chị T1 chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống. Anh T và chị T1 mặc dù cùng nhau sinh sống và làm việc tại Đài Loan nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù anh, chị đã cùng nhau nói chuyện, hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Ngoài ra, bà Đ là mẹ chị T1 cung cấp cho Tòa án về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1, mâu thuẫn bà không nắm được, khi biết vợ chồng anh T, chị T1 mâu thuẫn bà Đ đã gọi điện cho anh T và chị T1 nhiều lần để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm cho vợ chồng anh, chị nhưng không đạt kết quả, anh T kiên quyết làm đơn ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh T, chị T1 không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T1, xử cho anh Nguyễn Quang T được ly hôn chị Nguyễn Thị T1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về nuôi con chung: Anh T và chị T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày 08/4/2019. Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi cháu L.

Xét yêu cầu của anh **T**, Hội đồng xét xử thấy: Chị **T1** hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài. Cháu **L** từ khi chị **T1** đi nước ngoài được anh **T** và gia đình anh **T** chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Để đảm bảo cho con chung phát triển bình thường, tránh xáo trộn về cuộc sống, môi trường học tập của con chung. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu **L** cho anh **T** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích con chung cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Sau khi ly hôn chị **T1** không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị **T1** thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trường hợp chị **T1** về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh **Nguyễn Quang T** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn anh **Nguyễn Quang T** đang ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị **Nguyễn Thị T1** đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;

khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quang T được ly hôn chị Nguyễn Thị T1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày 08/4/2019 cho anh Nguyễn Quang T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn chị T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị T1 thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quang T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001218 ngày 31/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Quang T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Quang T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Thông